

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 33



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 05/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("SSC") cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi vào ngày 1 tháng 9 năm 2003, ngày 1 tháng 10 năm 2007 và ngày 28 tháng 12 năm 2007 (sau đây được gọi chung là "giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán").

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã, Hà Nội. Công ty cũng đồng thời có chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty là 373.160 nghìn đồng Việt Nam (năm 2007: lãi 84.390.599 nghìn đồng Việt Nam).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Lê Đình Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Việt Thích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trịnh Khắc Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đình Ngọc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Trịnh Khắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Quách Mạnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	Tạm bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2008

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Lê Văn Bé
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009

Số tham chiếu: 60755036/13618593

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 5 đến trang 33. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, và báo cáo kiểm toán của công ty này đề ngày 13 tháng 3 năm 2008 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các báo cáo tài chính này.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Ngoại trừ các vấn đề được trình bày dưới đây, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Các Vấn đề Ngoại trừ

- Công ty kiểm toán khác đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Công ty không hạch toán đúng niên độ doanh thu của một số hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán và các thỏa thuận ứng trước tiền bán để hỗ trợ các hoạt động giao dịch trong hai năm 2006 và 2007. Mặc dù vấn đề này không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của năm tài chính 2008 nhưng có ảnh hưởng đến các số liệu so sánh của các khoản mục doanh thu, chi phí và lợi nhuận để lại được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.
- Chúng tôi xin lưu ý đến khoản mục Đầu tư ngắn hạn của Công ty trị giá 22.524.000 nghìn đồng như được trình bày tại Thuyết minh số III.5.1 và khoản mục Cổ phiếu chưa niêm yết trị giá 303.628.932 nghìn đồng như được trình bày tại Thuyết minh số III.11.1. Khoản mục này đang được thể hiện theo giá gốc. Một số trong các chứng khoán này đã bị suy giảm về giá trị do khủng hoảng chung của nền kinh tế và thị trường chứng khoán trong năm 2008. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, Công ty chưa thể tiến hành trích lập dự phòng giảm giá cho các chứng khoán này do thiếu thông tin tham chiếu về giá trị hợp lý trên thị trường; ngoài ra Công ty cũng không thể xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này theo các mô hình định giá khác do thiếu thông tin. Do những hạn chế nói trên, chúng tôi không thể xác định được mức dự phòng giảm giá, nếu có, để phản ánh các chứng khoán này theo giá trị có thể thu hồi được tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Các Vấn đề Ngoại trừ (tiếp theo)

- ▶ Chúng tôi xin lưu ý đến khoản mục Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết trị giá 45.525.000 nghìn đồng như được trình bày tại Thuyết minh số III.11.2. Khoản mục này đang được thể hiện theo giá gốc. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho chứng chỉ quỹ đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, vốn chủ sở hữu thực có của quỹ đầu tư này đã giảm so với vốn góp thực tế của các nhà đầu tư. Theo đó, mức dự phòng giảm giá ước tính là 17.239.275 nghìn đồng như được trình bày trong Thuyết minh số III.11.2 - Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết.
- ▶ Chúng tôi xin lưu ý đến khoản mục Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tái chính cho nhà đầu tư tại Thuyết minh số III.6.1 và khoản mục và Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán tại Thuyết minh số III.6.2. Các khoản phải thu này đang được thể hiện theo giá gốc. Các khoản phải thu này được đảm bảo bằng chính các cổ phiếu hỗ trợ hoặc cổ phiếu mua và cam kết bán lại, theo đó, trong thời hạn của hợp đồng, số cổ phiếu này được chuyển quyền sở hữu sang Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản phải thu này đã có dấu hiệu suy giảm giá trị, thể hiện ở giá thị trường của một số cổ phiếu chưa niêm yết được dùng để đảm bảo cho các khoản phải thu này thấp hơn giá mua hoặc giá hỗ trợ theo hợp đồng, đồng thời, một số hợp đồng đã được gia hạn thời hạn tất toán một số lần trong năm 2008. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này trên cơ sở nhận định rằng các nhà đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn hoặc mua lại cổ phiếu. Do thiếu các hướng dẫn về trích lập dự phòng đối với loại hình nghiệp vụ hỗ trợ tái chính và cam kết mua và bán lại chứng khoán trong hoạt động của các công ty chứng khoán, chúng tôi không thể xác định mức dự phòng giảm giá, nếu có, để phản ánh các khoản phải thu này theo giá trị có thể thu hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đối với các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Young Vietnam Ltd,

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Wong Pau

Wô Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009

Wu Xuan Ming

Wô Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0923/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 31 tháng 12 năm 2007
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		1.276.831.105	2.190.031.497
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		243.572.340	436.522.408
111	1. Tiền mặt tại quỹ		422.002	324.145
112	2. Tiền gửi ngân hàng	III.1	111.706.528	126.420.692
114	3. Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	III.2	127.340.202	287.118.089
115	4. Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành		4.103.608	22.659.482
120	II. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác		252.229.589	443.681.156
121	1. Chứng khoán tự doanh	III.3	178.491.456	277.918.782
122	2. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	III.4	-	171.435.600
123	3. Đầu tư ngắn hạn khác	III.5	122.524.000	-
124	- Đầu tư ngắn hạn của Công ty	III.5.1	22.524.000	-
125	- Đầu tư ngắn hạn của các đối tác theo HĐ hợp tác kinh doanh CK	III.5.2	100.000.000	-
126	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	III.3	(48.785.867)	(5.673.226)
130	III. Các khoản phải thu		773.915.847	1.299.193.504
132	1. Phải thu của nhà đầu tư	III.6	745.512.645	1.271.725.629
133	2. Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán		233.045	-
135	3. Ứng trước cho người bán		774.308	2.197.125
136	4. Phải thu nội bộ		-	1.454.000
137	5. Phải thu khác	III.7	28.285.842	23.873.750
138	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	III.8	(889.993)	(57.000)
150	IV. Tài sản lưu động khác		7.113.329	10.634.429
151	1. Tạm ứng	III.9	5.385.642	5.286.586
152	2. Chi phí trả trước		1.676.687	908.175
156	3. Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn		51.000	4.378.001
143	4. Công cụ, dụng cụ		-	61.667

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 31 tháng 12 năm 2007
200	B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		665.139.032	250.338.803
210	I. Tài sản cố định		30.260.739	18.016.651
211	1. Tài sản cố định hữu hình	III.10.1	24.944.111	11.396.239
212	Nguyên giá		34.463.447	14.769.772
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.519.336)	(3.373.533)
217	2. Tài sản cố định vô hình	III.10.2	5.316.628	6.620.412
218	Nguyên giá		7.087.990	6.658.655
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.771.362)	(38.243)
220	II. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác		454.818.932	230.250.000
221	1. Chứng khoán đầu tư dài hạn của công ty chứng khoán	III.11	349.173.932	65.250.000
223	2. Chứng khoán đầu tư dài hạn của người UTĐT	III.12	-	162.000.000
224	3. Đầu tư dài hạn khác	III.13	105.645.000	3.000.000
225	- Đầu tư dài hạn của Công ty	III.13.1	37.420.000	3.000.000
226	- Đầu tư dài hạn của các đối tác theo HĐ hợp tác kinh doanh CK	III.13.2	68.225.000	-
227	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	III.11	-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		174.413.980	-
	- Nguyên giá		174.413.980	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dài hạn khác		5.645.381	2.072.152
241	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn	III.14	2.057.515	1.423.308
242	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	III.15	3.587.866	648.844
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.941.970.137	2.440.370.300

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 31 tháng 12 năm 2007
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		1.501.674.133	2.049.748.726
310	I. Nợ ngắn hạn		930.270.993	1.587.748.726
312	1. Vay ngắn hạn		-	405.898.581
313	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	III.17	630.000.000	500.000.000
318	3. Phải trả người bán		6.007.559	380.283
319	4. Người mua ứng trước		669.000	100.565.000
321	5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		13.004.797	1.417.176
323	6. Thuế và các khoản nộp Nhà nước		1.447.091	16.072.177
324	7. Phải trả nhân viên		-	1.179.861
325	8. Chi phí phải trả	III.18	47.453.399	17.330.124
326	9. Phải trả nội bộ		-	790.000
327	10. Phải trả tổ chức phát hành CK		3.730.584	25.561.835
328	11. Phải trả, phải nộp khác	III.19	100.760.754	231.435.600
332	12. Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư		127.197.809	287.118.089
340	II. Nợ dài hạn		571.403.140	462.000.000
343	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	III.20	500.000.000	300.000.000
344	2. Nhận ký quỹ, ký cược, dài hạn		3.178.140	-
345	3. Phải trả nhà đầu tư ủy thác		-	162.000.000
346	4. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	III.21	68.225.000	-
400	B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		440.296.004	390.621.574
410	I. Vốn cổ phần	III.22	420.000.000	300.000.000
411	1. Vốn góp cổ phần		420.000.000	300.000.000
430	III. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	III.23	20.296.004	90.621.574
431	1. Quỹ đầu tư, phát triển		988.985	695.906
432	2. Quỹ dự phòng tài chính		17.814.755	13.979.435
438	3. Lợi nhuận chưa phân phối		438.509	74.722.516
439	4. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		1.053.755	1.223.717
450	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.941.970.137	2.440.370.300


Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 31 tháng 12 năm 2007
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2.	Vật tư nhận giữ hộ	002	743.943.420	274.420.910
3.	Nợ khó đòi đã xử lý	003	-	-
4.	Ngoại tệ các loại	004	-	-
5.	Nguồn khấu hao	005	2.118.980	1.763.456
6.	Chứng khoán của thành viên lưu ký	006	5.989.132.650	1.291.810.335
	<i>Trong đó:</i>			
6.1	Chứng khoán GD của thành viên lưu ký	007	5.913.591.360	1.019.365.525
6.1.1	Chứng khoán GD của cty thành viên lưu ký	008	99.552.100	11.312.950
6.1.2	Chứng khoán GD của người đầu tư thành viên lưu ký	009	5.814.039.260	1.008.052.575
6.1.3	Chứng khoán GD của người UTĐT thành viên lưu ký	010	-	-
6.2	Chứng khoán tạm ngừng GD của thành viên lưu ký	011	55.241.100	79.062.780
6.3	Chứng khoán cầm cố thành viên lưu ký	015	20.300.190	192.923.230
6.4	Chứng khoán tạm giữ thành viên lưu ký	019	-	-
6.5	Chứng khoán chờ giao dịch	020	-	458.800
7.	Chứng khoán lưu ký của thành viên nước ngoài	023	25.804.550	-
	<i>Trong đó:</i>			
7.1	Chứng khoán GD thành viên nước ngoài	024	13.279.410	-
7.2	Chứng khoán tạm ngừng GD của thành viên nước ngoài	028	12.525.140	-
7.3	Chứng khoán cầm cố thành viên nước ngoài	032	-	-
7.4	Chứng khoán tạm giữ thành viên nước ngoài	036	-	-
8.	Chứng khoán nhận bán hộ (tại Cty CK)	040	-	-
9.	Chứng khoán mua lẻ	044	130.091.770	127.253.340


Bà Trương Tú Anh
Kế toán Trưởng


Ông Lê Đình Ngọc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

PHẦN I: LÃI - LỖ

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		320.819.823	205.933.166
	Trong đó:			
02	- Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư		35.021.105	73.743.632
03	- Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán		55.203.411	49.290.389
04	- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		1.355.893	1.670.182
05	- Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán		750.159	897.351
06	- Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư		3.120.728	4.105.055
07	- Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư		1.765.860	860.967
08	- Hoàn nhập dự phòng và các khoản trích trước		-	-
09	- Doanh thu về vốn kinh doanh		223.454.864	75.275.590
10	- Doanh thu cho thuê tài sản, sử dụng thiết bị, sử dụng thông tin		147.803	90.000
11	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(1.993.015)	(6.492.933)
12	3. Doanh thu thuần		318.826.808	199.440.233
13	4. Thu lãi đầu tư		25.655.819	9.302.751
14	5. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		344.482.627	208.742.984
15	6. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	III.24	(323.245.596)	(96.505.576)
20	7. Lợi nhuận gộp		21.237.031	112.237.408
30	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	III.25	(20.866.914)	(9.075.036)
40	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		370.117	103.162.372
41	- Các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh		7.219	7.744
42	- Các khoản chi phí ngoài hoạt động kinh doanh		(4.176)	(7.555)
50	10. Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh		3.043	189
60	11. Tổng lợi nhuận trước thuế		373.160	103.162.561
70	12. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	III.16	-	(18.771.962)
80	13. Lợi nhuận sau thuế		373.160	84.390.599
90	14. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	IV.1	0,01	5,13

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Điều chỉnh do quyết toán thuế những năm trước	Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam	
						Số cuối năm	Số cuối năm
I Thuế	10	16.072.177	2.386.135	(17.051.954)	26.528	1.432.886	
1 Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	11	-	323.090	(456.691)	242.009	108.408	
2 Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-	-	
3 Thuế nhập khẩu	13	-	-	-	-	-	
4 Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	16.071.605	325.224	(15.277.387)	(215.481)	903.961	
5 Thuế nhà đất	15	-	-	-	-	-	
6 Tiền thuế đất	16	-	-	-	-	-	
7 Các loại thuế khác	17	572	1.737.821	(1.317.876)	-	420.517	
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		572	1.737.821	(1.317.876)	-	420.517	
<i>Thuế môn bài</i>		-	-	-	-	-	
<i>Thuế khác</i>		-	-	-	-	-	
II Các khoản phải nộp khác	18	-	24.443	(10.238)	-	14.205	
1 Các khoản phí, lệ phí	19	-	-	-	-	-	
2 Các khoản phải nộp khác	20	-	24.443	(10.238)	-	14.205	
		16.072.177	2.410.578	(17.062.192)	26.528	1.447.091	



Bà Trương Tú Anh
Kế toán Trưởng



Ông Lê Đình Ngọc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
1	Lợi nhuận trước thuế		373.160	103.162.561
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
2	Khấu hao TSCĐ	III.24,		
		III.25	8.376.891	1.873.170
3	Các khoản lập dự phòng	III.24	43.945.634	5.704.214
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	III.16	(15.277.387)	(8.029.059)
5	Điều chỉnh khác về vốn, quỹ		-	262.973
6	Điều chỉnh lợi nhuận để lại do Quyết toán thuế năm 2006 và 2007	III.22	(151.431)	-
7	Chuyển trả lợi nhuận về Ngân hàng Quân đội	III.22	(59.897.958)	(5.275.617)
8	Tiền thực chi quỹ khen thưởng phúc lợi		(2.981.316)	(2.428.204)
9	Tiền thực chi quỹ đầu tư phát triển		(1.739.125)	-
10	Lãi lỗ thanh lý tài sản cố định		3.803	-
11	Chi phí trả lãi tiền gửi		(4.079.817)	(40.407.566)
12	Thu nhập tiền lãi		27.785.547	14.003.327
13	Trả lãi trái phiếu, tiền vay		(172.256.648)	(24.938.317)
20	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(175.898.647)	43.927.482
21	Tăng các khoản phải thu		280.691.715	(1.331.459.609)
22	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		(314.862.781)	689.662.545
23	(Tăng)/giảm Các khoản chi phí trả trước		3.521.100	(7.165.799)
24	(Tăng)/giảm các khoản ký quỹ, ký cược		(3.573.229)	(1.263.644)
25	Tăng các khoản nhận ký quỹ, ký cược		3.178.140	(8.897.515)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(206.943.702)	(615.196.540)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
41	Tiền mua TSCĐ		(20.624.782)	(17.903.426)
42	Tiền mua BĐS đầu tư		(174.413.980)	-
43	Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(76.230.006)	(323.938.975)
44	Thu lãi đầu tư		215.967.402	69.525.366
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(55.301.366)	(272.317.035)

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
51	Tiền thu góp vốn của chủ sở hữu	III.22	120.000.000	180.000.000
53	Tiền vay		1.148.807.000	1.516.325.730
54	Tiền trả nợ vay		(1.199.512.000)	(501.255.875)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		69.295.000	1.195.069.855
70	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(192.950.068)	307.556.280
80	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		436.522.408	128.966.128
90	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ		243.572.340	436.522.408



Bà Trương Tú Anh
Kế toán trưởng



Ông Lê Đình Ngọc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2008

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 05/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("SSC") cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi vào ngày 1 tháng 9 năm 2003, ngày 1 tháng 10 năm 2007 và ngày 28 tháng 12 năm 2007 (sau đây được gọi chung là "Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán").

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã, Hà Nội. Công ty cũng đồng thời có chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp vào ngày 5 tháng 6 năm 2000 là 9 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng vốn điều lệ của Công ty là 420.000.000 nghìn đồng Việt Nam (năm 2007: 300.000.000 nghìn đồng Việt Nam).

Trong năm 2008, Công ty có các đợt tăng vốn điều lệ như sau:

<u>Vốn tăng lên (nghìn đồng)</u>	<u>Được phê duyệt theo</u>	<u>Ngày</u>
420.000.000	Giấy phép số 182/UBCK-GP	31 tháng 12 năm 2008

Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Lê Đình Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Việt Thích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trịnh Khắc Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đình Ngọc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Trịnh Khắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Quách Mạnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	Tạm bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2008

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Cẩm La Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Bà Lê Thu Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Bà Thẩm Thị Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mạng lưới Hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 228 người (năm 2007: là 223 người).

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng nghìn đồng Việt Nam ("nghìn đồng" hoặc "VNĐ'000") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo tinh thần Công văn số 15040/BTC-CDKT ngày 10 tháng 12 năm 2008 của Vụ Chế độ Kế toán – Bộ Tài chính, Công ty vẫn áp dụng Quyết định 99/2000/QĐ-BTC cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này và sẽ thực hiện áp dụng Thông tư 95/2008/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là sổ nhật ký chung.

3. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, thời gian như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6 năm

8. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

9 *Đầu tư vào chứng khoán*

9.1 *Chứng khoán tự doanh*

Chứng khoán tự doanh được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán. Các khoản cổ tức nhận được trong kỳ được ghi nhận tăng thu lãi đầu tư trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng thu lãi đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2008 đối với các cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và là giá bình quân ngày 31 tháng 12 năm 2008 đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Chứng khoán chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

9.2 *Chứng khoán đầu tư ngắn hạn khác và dài hạn*

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác và dài hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2008 đối với các cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và là giá bình quân ngày 31 tháng 12 năm 2008 đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Chứng khoán chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

10. *Các hợp đồng mua lại và bán lại*

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

11. *Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư*

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhân được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Cuối năm 2008, Công ty đã ngừng thực hiện các hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư.

12. *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

14. *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

15. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và năm 2008 được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

17. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

III.1. Tiền gửi ngân hàng

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội	59.193.475	64.294.658
Ngân hàng TMCP Thái Bình Dương	25.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	15.000.000	-
Công ty CP Tài chính Xi măng	12.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	438.112	1.521.669
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	31.837	-
Ngân hàng TMCP An Bình	11.477	60.001.949
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	10.909	11.674
Các ngân hàng khác	20.718	590.742
	111.706.528	126.420.692

III.2. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội	119.193.854	161.061.279
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.019.659	58.293.890
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	126.689	67.762.920
	127.340.202	287.118.089

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.3. Chứng khoán tự doanh

Chi tiết chứng khoán tự doanh của Công ty như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 nghìn đồng</i>
Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu niêm yết	125.266.884	123.033.305
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	-	154.885.477
Trái phiếu các loại	53.224.572	-
	178.491.456	277.918.782
Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu niêm yết	(48.785.867)	(5.673.226)
	129.705.589	272.245.556

(*): Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, toàn bộ danh mục cổ phiếu tự doanh chưa niêm yết được chuyển sang tài khoản chứng khoán đầu tư dài hạn để phù hợp với mục đích nắm giữ. Xem Thuyết minh số III.11.

III.4. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư

Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư bao gồm các chứng khoán mà Công ty được ủy thác để nắm giữ hộ khách hàng theo các hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn và hưởng phí cố định trong thời hạn ủy thác. Các chứng khoán này được ghi nhận theo nguyên giá do Công ty không chịu rủi ro liên quan đến danh mục ủy thác đầu tư này. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã thanh lý toàn bộ các hợp đồng ủy thác đầu tư.

III.5. Đầu tư ngắn hạn khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 nghìn đồng</i>
Đầu tư ngắn hạn của Công ty (thuyết minh III.5.1)		
Cổ phiếu đầu tư của Công ty theo Hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI)	22.524.000	-
Đầu tư ngắn hạn của các đối tác theo HĐ thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán (thuyết minh III.5.2)		
Kỳ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn	100.000.000	-
	122.524.000	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.5. Đầu tư ngắn hạn khác (tiếp theo)

III.5.1. Đầu tư ngắn hạn của Công ty

Theo hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI) thì Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến danh mục cổ phiếu đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, danh mục cổ phiếu đầu tư này bao gồm các cổ phiếu chưa niêm yết và được thể hiện theo giá gốc.

III.5.2. Đầu tư ngắn hạn của các đối tác theo HĐ thỏa thuận hợp tác kinh doanh CK

Theo hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh kỳ phiếu ngân hàng với đối tác, Công ty đã đầu tư vào danh mục kỳ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, trong đó Công ty hưởng thu nhập cố định 0.1%/năm trên giá trị vốn góp của bên đối tác.

III.6. Phải thu của nhà đầu tư

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 nghìn đồng</i>
Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư (thuyết minh III.6.1)	241.719.393	184.843.410
Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán (thuyết minh III.6.2)	500.250.659	1.046.402.514
Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư (thuyết minh III.6.3)	3.542.593	40.479.705
	<u>745.512.645</u>	<u>1.271.725.629</u>

III.6.1. Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư

Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ đầu giá mua cổ phần, hỗ trợ thanh toán, hỗ trợ mua theo giá trị được hỗ trợ và đang được thể hiện theo số tiền hỗ trợ trên hợp đồng. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán được hỗ trợ tài chính hoặc tài sản ròng của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 2 đến 6 tháng và có mức lãi suất từ 1,35%/tháng đến 1,8%/tháng. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, danh mục chứng khoán được hỗ trợ được chuyển quyền sở hữu sang Công ty.

Công ty đánh giá rằng các nhà đầu tư sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản vốn đã được Công ty hỗ trợ để nhận lại các chứng khoán thuộc danh mục cổ phiếu hỗ trợ này và do vậy, khả năng thu hồi các khoản phải thu này không bị ảnh hưởng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.6. Phải thu của nhà đầu tư (tiếp theo)

III.6.2. Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán

Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán có thời hạn hiệu lực từ 3 đến 6 tháng và có mức lãi suất từ 1,35%/tháng đến 1,8%/tháng. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, danh mục chứng khoán mua được chuyển quyền sở hữu sang Công ty. Các khoản phải thu này được thể hiện theo giá mua trên hợp đồng.

Công ty đánh giá rằng các nhà đầu tư sẽ thực hiện mua lại các chứng khoán thuộc danh mục cổ phiếu mua và bán lại này và do vậy, khả năng thu hồi các khoản phải thu này không bị ảnh hưởng.

III.6.3. Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư

Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán. Theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán vào ngày thứ ba (ngày T+3) kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công trên trung tâm giao dịch. Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư trong thời gian Trung tâm giao dịch chứng khoán bù trừ tiền sẽ chịu mức phí là từ 0,04% đến 0,58%/ngày tính trên số tiền ứng trước.

III.7. Phải thu khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 nghìn đồng</i>
Lãi dự thu (*)	25.760.765	23.831.947
Phải thu về cổ tức	1.918.138	-
Phải thu khác	606.939	41.803
	28.285.842	23.873.750

(*): Lãi dự thu chủ yếu bao gồm lãi dự thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán và các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư như được trình bày tại Thuyết minh số III.6.

III.8. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi chủ yếu được trích lập cho các hợp đồng cam kết mua và bán lại chứng khoán, hợp đồng hỗ trợ thanh toán đã đáo hạn nhưng khách hàng chưa thực hiện nghĩa vụ theo Thông tư 13/2006/TT-BTC.

III.9. Tạm ứng

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 nghìn đồng</i>
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	876.200	2.300.108
Tạm ứng sửa lỗi giao dịch chứng khoán	4.506.982	2.862.630
Tạm ứng khác	2.460	123.848
	5.385.642	5.286.586

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.10. Tài sản cố định

III.10.1. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc nghìn đồng	Máy móc, thiết bị nghìn đồng	Phương tiện vận tải nghìn đồng	Thiết bị văn phòng nghìn đồng	Tổng cộng nghìn đồng
Nguyên giá:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	2.816.412	10.084.225	1.719.216	149.919	14.769.772
Mua trong năm	339.834	19.855.612	-	-	20.195.446
Thanh lý	53.570	448.201	-	-	501.771
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	3.102.676	29.491.636	1.719.216	149.919	34.463.447
Khấu hao lũy kế:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	256.104	2.660.740	442.782	13.907	3.373.533
Khấu hao trong năm	496.807	5.830.444	286.536	29.984	6.643.771
Ghi giảm	49.767	448.201	-	-	497.968
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	703.144	8.042.983	729.318	43.891	9.519.336
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	2.560.308	7.423.485	1.276.434	136.012	11.396.239
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	2.399.532	21.448.653	989.898	106.028	24.944.111

III.10.2 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính nghìn đồng	Tổng nghìn đồng
Nguyên giá:		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	6.658.655	6.658.655
Tặng trong năm	429.335	429.335
Thanh lý	-	-
Điều chỉnh	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	7.087.990	7.087.990
Khấu hao lũy kế:		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	38.243	38.243
Khấu hao trong năm	1.733.119	1.733.119
Thanh lý	-	-
Điều chỉnh	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.771.362	1.771.362
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	6.620.412	6.620.412
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	5.316.628	5.316.628

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.11. Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán

Chi tiết chứng khoán đầu tư dài hạn của Công ty như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>
	<i>nghìn đồng</i>	<i>nghìn đồng</i>
Chứng khoán đầu tư dài hạn		
Cổ phiếu chưa niêm yết (thuyết minh III.11.1)	303.628.932	4.500.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết (thuyết minh III.11.2)	45.525.000	60.750.000
Trái phiếu các loại	20.000	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn	-	-
	349.173.932	65.250.000

III.11.1. Cổ phiếu chưa niêm yết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các cổ phiếu chưa niêm yết được thể hiện theo giá gốc.

III.11.2. Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các chứng chỉ quỹ trên được thể hiện theo giá gốc. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của quỹ như sau:

	<i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>Phần của Công ty trong Vốn chủ sở hữu</i>	<i>Chênh lệch</i>
	<i>nghìn đồng</i>	<i>nghìn đồng</i>	<i>nghìn đồng</i>
Phần không hạn chế chuyển nhượng	35.425.000	22.696.725	(12.728.275)
Phần hạn chế chuyển nhượng	10.100.000	5.589.000	(4.511.000)
	45.525.000	28.285.725	(17.239.275)

III.12. Chứng khoán đầu tư dài hạn của người ủy thác đầu tư

Chứng khoán đầu tư dài hạn của người ủy thác đầu tư bao gồm các chứng khoán mà Công ty được ủy thác để nắm giữ hộ khách hàng theo các Hợp đồng ủy thác đầu tư dài hạn và hưởng phí cố định trong thời hạn ủy thác. Các chứng khoán này được ghi nhận theo nguyên giá do Công ty không chịu rủi ro liên quan đến danh mục ủy thác đầu tư này. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã thanh lý toàn bộ các Hợp đồng ủy thác đầu tư.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.13. Đầu tư dài hạn khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007 nghìn đồng</i>
Đầu tư dài hạn của Công ty		
Hợp đồng tiền gửi Ngân hàng dài hạn	29.420.000	-
Đầu tư vốn góp dài hạn	8.000.000	3.000.000
Đầu tư dài hạn của các đối tác theo HĐ thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán		
Chứng chỉ quỹ đầu tư Sài Gòn CK A2 (SFA2)	53.000.000	-
Chứng chỉ quỹ đầu tư CK Hà Nội	15.225.000	-
	105.645.000	3.000.000

III.13.1. Đầu tư dài hạn của Công ty

Hợp đồng tiền gửi Ngân hàng dài hạn là Hợp đồng tiền gửi hai năm của Công ty với Ngân hàng TMCP Các doanh nghiệp ngoài Quốc doanh Việt Nam hưởng lãi suất 13,9%/năm.

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Mệnh giá nghìn đồng</i>	<i>Giá trị ghi sổ nghìn đồng</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của công ty</i>
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hà Nội (HFM)	3.000.000	3.000.000	7,5%
Công ty CP Địa ốc MB	5.000.000	5.000.000	1%
	8.000.000	8.000.000	

III.13.2. Đầu tư ngắn hạn của các đối tác theo HĐ thỏa thuận hợp tác kinh doanh CK

Chứng chỉ quỹ đầu tư Sài Gòn A2 (SFA2) là danh mục chứng khoán mà Công ty đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư vào Quỹ SFA2 với đại diện các nhà đầu tư ủy thác cá nhân, trong đó Công ty hưởng thu nhập cố định 0,2%/năm trên tổng số tiền ủy thác thực tế.

Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán Hà Nội là danh mục chứng khoán mà Công ty đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán với Ngân hàng Quân đội.

III.14. Ký quỹ, ký cược dài hạn

Ký quỹ, ký cược dài hạn là các khoản đặt cọc, thuê văn phòng, trụ sở của Công ty.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.15. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	<i>Năm 2008</i> <i>nghìn đồng</i>	<i>Năm 2007</i> <i>nghìn đồng</i>
Số dư đầu kỳ	648.844	225.942
Tăng trong kỳ	2.939.022	422.902
Số dư cuối kỳ	<u>3.587.866</u>	<u>648.844</u>

III.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 3354/TC-CST ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm 2001 và 2002 (Năm 2001 là năm đầu tiên Công ty có lãi) Công ty phải nộp thuế TNDN theo thuế suất 10% từ năm 2003 đến 2005, 20% trong các năm từ 2006 đến 2010, và 25% cho các năm tiếp theo.

	<i>Năm 2008</i> <i>nghìn đồng</i>	<i>Năm 2007</i> <i>nghìn đồng</i>
Tổng lợi nhuận trước thuế	373.160	103.162.561
Trừ:		
<i>Thu nhập cổ tức không chịu thuế</i>	25.655.819	9.302.751
Thu nhập chịu thuế TNDN	(25.282.659)	93.859.810
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng là 20%	-	(18.771.962)
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	16.071.605	5.328.702
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	325.224	18.771.962
<i>Thuế TNDN phải nộp hộ Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Hà Nội (*)</i>	325.224	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(15.277.387)	(8.029.059)
<i>Thuế TNDN nộp cho kỳ trước</i>	(15.277.387)	(5.328.702)
<i>Thuế TNDN nộp cho kỳ này</i>	-	(2.700.357)
Hạch toán điều chỉnh thuế TNDN theo Quyết toán thuế năm 2006, 2007	(215.481)	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	<u>903.961</u>	<u>16.071.605</u>

(*): Thuế trên lợi tức của Quỹ đầu tư chứng khoán mà Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hà Nội chưa khấu trừ tại nguồn nhờ Công ty nộp hộ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.17. Trái phiếu phát hành ngắn hạn

Trái phiếu phát hành ngắn hạn bao gồm các trái phiếu của Công ty phát hành cho đối tác có thời hạn từ 11 đến 12 tháng với lãi suất 9.6% – 12%/năm (năm 2007: 9.6%/năm) và trả lãi một lần khi đáo hạn.

III.18. Chi phí phải trả

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>
	<i>nghìn đồng</i>	<i>nghìn đồng</i>
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	46.760.690	15.468.248
Chi phí phải trả cho các dịch vụ đã nhận	472.395	1.861.144
Trợ cấp mất việc làm	220.314	732
	47.453.399	17.330.124

III.19. Phải trả, phải nộp khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>
	<i>nghìn đồng</i>	<i>nghìn đồng</i>
Phải trả tiền được ủy thác theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	100.000.000	-
Phải trả về kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	287.384	-
Phải trả cho Công ty CP Bảo hiểm Quân Đội	-	60.000.000
Phải trả cho nhà ủy thác đầu tư	-	171.435.600
Phải trả, phải nộp khác	473.370	-
	100.760.754	231.435.600

III.20. Trái phiếu phát hành dài hạn

Trái phiếu phát hành dài hạn bao gồm các trái phiếu của Công ty phát hành cho đối tác có thời hạn 2 năm với lãi suất 9% – 16.5%/năm (Năm 2007: 9%/năm) và trả lãi hàng năm.

III.21. Phải trả, phải nộp dài hạn khác

Phải trả, phải nộp dài hạn khác là khoản phải trả theo các hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán dài hạn với đối tác. Xin xem thuyết minh số III.13.2.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.22. Vốn chủ sở hữu

III. 22.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần nghìn đồng	Quỹ đầu tư phát triển nghìn đồng	Quỹ dự phòng tài chính nghìn đồng	Lợi nhuận chưa phân phối nghìn đồng	Quỹ khen thưởng, phúc lợi nghìn đồng	Tổng cộng nghìn đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	120.000.000	392.776	5.843.227	7.000.273	435.547	133.671.823
Vốn cổ phần đã phát hành	180.000.000	-	-	-	-	180.000.000
Lợi nhuận thuần sau thuế 2007	-	712.345	8.228.083	84.390.599	-	84.390.599
Trích lập các quỹ trong năm	-	(409.215)	(91.875)	(11.607.810)	2.667.382	-
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	-	(1.927.114)	(2.428.204)
Chuyển trả lợi nhuận về Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	(5.275.617)	-	(5.275.617)
Biến động khác	-	-	-	215.071	47.902	262.973
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	300.000.000	695.906	13.979.435	74.722.516	1.223.717	390.621.574
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	300.000.000	695.906	13.979.435	74.722.516	1.223.717	390.621.574
Vốn cổ phần phát hành	120.000.000	-	-	-	-	120.000.000
Điều chỉnh lợi nhuận để lại do quyết toán thuế năm 2006 và 2007	-	-	-	(151.431)	-	(151.431)
Trích lập bổ sung các quỹ năm 2007 theo Biên bản họp của HĐQT số 03/2008/TSC/HĐQT-BB	-	1.516.773	3.990.367	(14.607.778)	9.100.638	-
Sử dụng các quỹ trong năm	-	(1.223.694)	(155.047)	-	(9.270.600)	(10.649.341)
Chuyển trả lợi nhuận năm 2007 về Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	(59.897.958)	-	(59.897.958)
Lợi nhuận thuần sau thuế 2008	-	-	-	373.160	-	373.160
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	420.000.000	988.985	17.814.755	438.509	1.053.755	440.296.004

Tại ngày 31 tháng 12 năm Công ty nhận được Quyết định số 182/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc phê duyệt tăng vốn điều lệ lên 420.000.000 nghìn đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.22.2 Cổ phiếu phổ thông

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành của Công ty là 42.000.000 (năm 2007: 30.000.000). Công ty không phát hành cổ phiếu ưu đãi hoặc cổ phiếu có thể chuyển đổi.

III.23. Các quỹ

	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>	<i>Tăng trong năm nghìn đồng</i>	<i>Giảm trong năm nghìn đồng</i>	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>
Quỹ đầu tư phát triển	695.906	1.516.773	(1.223.694)	988.985
Quỹ dự trữ	13.979.435	3.990.367	(155.047)	17.814.755
<i>Dự trữ pháp định</i>	<i>6.421.324</i>	<i>99.217</i>	<i>-</i>	<i>6.520.541</i>
<i>Dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>6.421.324</i>	<i>99.217</i>	<i>-</i>	<i>6.520.541</i>
<i>Dự trữ dự phòng tài chính</i>	<i>1.136.787</i>	<i>3.791.933</i>	<i>(155.047)</i>	<i>4.773.673</i>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.223.717	9.100.638	(9.270.600)	1.053.755
	15.899.058	14.607.778	(10.649.341)	19.857.495

III.24. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	<i>Năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Năm 2007 nghìn đồng</i>
Chi phí môi giới chứng khoán	7.508.554	18.890.027
Chi phí hoạt động tự doanh	53.666.158	454.837
Chi phí tư vấn cổ phần hóa	356.946	605.539
Chi phí lưu ký chứng khoán	152.091	-
Chi phí dự phòng	43.945.634	5.567.214
Chi phí về vốn kinh doanh	179.944.152	40.407.566
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh CK:		
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>16.235.264</i>	<i>11.598.183</i>
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	<i>3.205.740</i>	<i>977.069</i>
<i>Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ</i>	<i>1.365.707</i>	<i>6.332.908</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>10.763.131</i>	<i>3.671.473</i>
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	<i>6.102.219</i>	<i>8.000.760</i>
	323.245.596	96.505.576

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Năm 2008</i> <i>nghìn đồng</i>	<i>Năm 2007</i> <i>nghìn đồng</i>
Chi phí nhân viên	10.019.310	2.941.557
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	852.992	1.921.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.171.151	896.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.298.846	806.564
Thuế, phí và lệ phí	57.571	12.781
Chi phí khác bằng tiền	1.467.044	2.496.853
	20.866.914	9.075.036

IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC

IV.1. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế của cổ đông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 32.252.055 đơn vị (năm 2007: 16.435.617 đơn vị).

IV.2. Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i> <i>nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	Nhận vốn góp	100.000.000
		Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn	12.114.572.500
		Hợp đồng ủy thác đầu tư	119.200.000
		Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán	15.225.000
		Thu lãi tiền gửi	25.172.958
		Thu phí môi giới CK	1.500.354
		Thu phí ủy thác đầu tư	80.000
Công ty CP Địa ốc MB	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	5.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

IV.2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu nghìn đồng</i>	<i>Khoản phải trả nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	Tiền gửi thanh toán	18.920.975	-
		Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn	40.272.500	-
		Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh CK	-	(15.225.000)
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư CK Hà Nội	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	3.000.000	-
Công ty CP Địa ốc MB	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	5.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc trong năm 2008 là 1.748.326 nghìn đồng.

IV.3. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Năm 2008 nghìn đồng</i>	<i>Năm 2007 nghìn đồng</i>
Đến 1 năm	-	-
Trên 1 - 5 năm	22.083.070	12.427.164
Trên 5 năm	-	-

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 16.977.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

IV.2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm:

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Các giao dịch</u>	<u>Khoản phải thu nghìn đồng</u>	<u>Khoản phải trả nghìn đồng</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	Tiền gửi thanh toán	18.920.975	-
		Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn	40.272.500	-
		Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh CK	-	(15.225.000)
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư CK Hà Nội	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	3.000.000	-
Công ty CP Địa ốc MB	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	5.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc trong năm 2008 là 1.748.326 nghìn đồng.

IV.3. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Năm 2008 nghìn đồng</u>	<u>Năm 2007 nghìn đồng</u>
Đến 1 năm	-	-
Trên 1 - 5 năm	22.083.070	12.427.164
Trên 5 năm	-	-

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 16.977.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

IV.4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	1,56%	0,74%
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	65,75%	89,74%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	77,33%	83,99%
<i>Nợ phải trả/ tổng tài sản</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,55
<i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,28	1,55
<i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,24	0,31
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>			
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	0,11%	40,43%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
<i>(Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)</i>	%	0,02%	3,46%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ			
<i>(Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ)</i>	%	0,08%	21,60%

IV.5. Các số liệu so sánh

Một số số liệu năm 2007 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại.

IV.6. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.


Bà Trương Tú Anh
Kế toán Trưởng


Ông Lê Đình Ngọc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2009